

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31 /2025/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về canh tác
trên vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;

Căn cứ Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 54/TTr-SNNMT ngày 21 tháng 3 năm 2025 về việc dự thảo Quyết định ban hành Quy định về canh tác trên vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về canh tác trên vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 4 năm 2025

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân

huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
 - Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
 - Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
 - Các Sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
 - Sở Tư pháp;
 - UBND các huyện, thành phố;
 - Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, Công TTĐT tỉnh, TH-NC, KTN (49 bản)
- (Khoa/Qđquyđinhvungcthuuco/24.3-189)*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hoàng



QUY ĐỊNH

Về canh tác trên vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
(Kèm theo Quyết định số 31/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về các hoạt động về canh tác trên vùng canh tác hữu cơ, bao gồm sử dụng tài nguyên thiên nhiên, trang thiết bị, vật tư nông nghiệp và áp dụng quy trình sản xuất để tạo ra các sản phẩm cây trồng theo tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình hoặc nhóm hộ sản xuất sản phẩm cây trồng hữu cơ (gọi tắt là cơ sở); tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến canh tác hữu cơ trên vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

Canh tác hữu cơ trên vùng canh tác hữu cơ phải đảm bảo yêu cầu tại Điều 69 Luật Trồng trọt, trên cơ sở đáp ứng các nguyên tắc sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại Điều 4 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ như sau:

1. Quản lý các tài nguyên (bao gồm đất, nước, không khí) theo nguyên tắc hệ thống và sinh thái trong tầm nhìn dài hạn.

2. Không dùng các vật tư là chất hóa học tổng hợp trong tất cả các giai đoạn của chuỗi sản xuất, tránh trường hợp con người và môi trường tiếp xúc với các hóa chất độc hại, giảm thiểu ô nhiễm ở nơi sản xuất và môi trường chung quanh.

3. Không sử dụng công nghệ biến đổi gen, phóng xạ và công nghệ khác có hại cho sản xuất hữu cơ.

4. Đối xử với động vật, thực vật một cách có trách nhiệm và nâng cao sức khỏe tự nhiên của chúng.

5. Sản phẩm hữu cơ phải được bên thứ ba chứng nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về nông nghiệp hữu cơ hoặc Tiêu chuẩn quốc tế, Tiêu chuẩn khu vực, Tiêu chuẩn nước ngoài được áp dụng trong sản xuất sản phẩm hữu cơ.

Chương II

QUY ĐỊNH CÁC HOẠT ĐỘNG CANH TÁC TRÊN VÙNG CANH TÁC HỮU CƠ

Điều 3. Quy định canh tác trên vùng canh tác hữu cơ

1. Vùng canh tác hữu cơ

a) Vùng canh tác hữu cơ bao gồm vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung và các điểm sản xuất nông nghiệp hữu cơ không tập trung theo khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2030.

b) Vùng canh tác hữu cơ phải có vùng đệm dễ dàng nhận diện, chiều cao của cây trồng trong vùng đệm và chiều rộng cụ thể của vùng đệm phụ thuộc vào chiều cao của cây trồng trong khu vực sản xuất thông thường, nguồn gây ô nhiễm cần được xử lý theo địa hình và điều kiện khí hậu từng vùng.

c) Các cây trồng trong vùng đệm không được chứng nhận là sản phẩm hữu cơ.

2. Quản lý đất

a) Chọn vùng canh tác hữu cơ đảm bảo các tiêu chí tại điểm a khoản 3 Điều 1 Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2030 như sau:

- Tiêu chí 1: Vùng phát triển nông nghiệp hữu cơ tập trung là vùng được quy hoạch, ổn định lâu dài; quy mô tối thiểu là trọn ranh giới một xã để có điều kiện đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất, phát triển hợp tác xã (gọi tắt: HTX) thu hút đầu tư của các doanh nghiệp, thực hiện liên doanh, liên kết và thực hiện các hoạt động hỗ trợ sản xuất, kiểm tra giám sát và chứng nhận các sản phẩm hữu cơ.

- Tiêu chí 2: Vùng phát triển nông nghiệp hữu cơ phải đảm bảo cách xa các nguồn gây ô nhiễm; trong đó, cụ thể là chỉ bố trí vùng phát triển nông nghiệp hữu cơ ở các địa phương có mật độ dân số <400 người/km²; không có các khu công nghiệp tập trung và trục đường giao thông lớn.

- Tiêu chí 3 (Môi trường đất, nước): Vùng phát triển nông nghiệp hữu cơ phải được lấy mẫu phân tích môi trường đất, môi trường nước; kết quả phân tích mẫu đất và nước phải nằm trong giới hạn cho phép quy định tại các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 03:2023/BTNMT về chất lượng đất, QCVN 08:2023/BTNMT về chất lượng nước mặt và QCVN 09:2023/BTNMT về chất lượng nước dưới đất.

- Tiêu chí 4 (Mức độ thích nghi, tính cạnh tranh của cây trồng, vật nuôi): Địa bàn bố trí sản xuất phải phù hợp với đặc điểm sinh lý và sinh thái của cây trồng; đồng thời phải có khả năng cạnh tranh về hiệu quả kinh tế, xã hội với các cây

khác trên cùng địa bàn; ưu tiên lựa chọn loại cây trồng, vật nuôi bản địa, thích ứng tốt với điều kiện thổ nhưỡng, chống chịu sâu bệnh và có thị trường tiêu thụ.

- Tiêu chí 5 (Hiện trạng sử dụng đất): Ưu tiên phát triển tại các vùng hiện đang sản xuất các sản phẩm chủ lực; đã hình thành các khu vực sản xuất theo hướng hữu cơ hoặc các tiêu chuẩn như tiêu chuẩn hữu cơ, VietGAP, GlobalGAP, có các tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp. Các vùng sản xuất các sản phẩm bản địa, đặc trưng; có tiềm năng để xây dựng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý sản phẩm để đầu tư sản xuất hữu cơ gắn với phát triển các sản phẩm OCOP.

- Tiêu chí 6: Vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ phải là vùng đã được quy hoạch sử dụng đất các cấp xác định là vùng quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp và thuận tiện cho mở rộng diện tích ở các giai đoạn sau; nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng của nguồn có nguy cơ gây ô nhiễm đến khu vực sản xuất hữu cơ.

- Đối với các điểm sản xuất nông nghiệp hữu cơ không tập trung: Có thể không đáp ứng các tiêu chí 1, 2 và 6 nhưng phải đáp ứng tiêu chí 3, 4 và 5; đồng thời phải có sự đăng ký của chủ cơ sở sản xuất.

b) Đất canh tác trong vùng canh tác hữu cơ phải đáp ứng tiêu chuẩn tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 03:2023/BTNMT về chất lượng đất.

c) Đất canh tác hữu cơ phải đảm bảo duy trì hoặc tăng cường độ phì và tính chất của đất, cải tạo, bảo vệ đất; áp dụng các biện pháp canh tác phòng, chống xói mòn đất, thoái hóa, ô nhiễm đất và các rủi ro cho đất.

d) Đối với việc trồng nấm, giá thể phải làm từ vật liệu là sản phẩm hữu cơ hoặc vật liệu tự nhiên không sử dụng hoá chất.

3. Quản lý nước

a) Nước sử dụng trong vùng canh tác hữu cơ phải đáp ứng tiêu chuẩn của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 08:2023/BTNMT về chất lượng nước mặt, QCVN 09:2023/BTNMT về chất lượng nước dưới đất.

b) Sử dụng nước tưới cho cây trồng hợp lý theo từng giai đoạn, theo nhu cầu của từng cây trồng và tránh lãng phí; áp dụng các biện pháp bảo vệ nguồn nước để tránh bị ô nhiễm, thất thoát nước.

c) Nếu có nguy cơ ô nhiễm từ bên ngoài do nguồn nước thì bên ngoài vùng đệm tạo một bờ đất hoặc rãnh thoát nước triệt để nhằm tránh nước xâm lấn, ô nhiễm vào khu vực sản xuất hữu cơ.

4. Quản lý trang thiết bị

a) Trang thiết bị, dụng cụ, vật liệu sử dụng trong canh tác hữu cơ; máy móc, dụng cụ phục vụ sản xuất, tưới tiêu, thu hoạch, sơ chế, bảo quản phải đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng; được vệ sinh sạch sẽ trước khi sử dụng.

b) Các thiết bị phòng, chống sinh vật gây hại đã sử dụng trong sản xuất thông thường không được sử dụng trong sản xuất hữu cơ.

5. Quản lý vật tư đầu vào

a) Về giống cây trồng

- Không sử dụng hạt giống, vật liệu nhân giống từ cây trồng biến đổi gen; ưu tiên sử dụng giống cây trồng được sản xuất hữu cơ (giống hữu cơ); trường hợp không có sẵn giống hữu cơ thì sử dụng giống thu được từ giống cây trồng thông thường sau khi canh tác theo phương thức hữu cơ ít nhất một vụ đối với cây hàng năm, ít nhất hai vụ thu hoạch đối với cây lâu năm.

- Khuyến khích sử dụng giống cây trồng bản địa; trường hợp không có giống cây trồng bản địa thì sử dụng giống cây trồng theo quy định quản lý về giống cây trồng, có nguồn gốc rõ ràng.

- Sử dụng hạt giống không qua xử lý hoặc xử lý bằng phương pháp vật lý, sinh học; nếu phải xử lý bằng hóa chất thì các chất đó phải được nêu trong bảng Bảng A2, phụ lục A Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 11041-2:2017 về nông nghiệp hữu cơ - Phần 2: Trồng trọt hữu cơ ban hành kèm theo Quyết định số 3883/QĐ-BKHCN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia. Trong trường hợp bắt buộc phải sử dụng hóa chất nằm ngoài bảng A2, phụ lục A TCVN 11041-2:2017 thì phải loại bỏ các chất đó khỏi giống cây trồng trước khi sử dụng.

b) Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, vật tư đầu vào

- Phân bón, chất cải tạo đất, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư đầu vào khác sử dụng trong canh tác hữu cơ chỉ được sử dụng khi thật sự cần thiết, phải đáp ứng tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ và quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng liên quan hoặc được sản xuất từ các nguyên liệu và phương pháp phù hợp tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ theo quy định tại phụ lục A TCVN 11041-2:2017.

- Khuyến khích sử dụng phân bón được lấy từ các sản phẩm phụ từ trồng trọt, chăn nuôi đã được cấp chứng nhận sản xuất hữu cơ, qua xử lý đảm bảo làm phân bón.

- Không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, chất bảo quản, chất phụ gia là hóa chất tổng hợp; chất diệt cỏ, sinh vật biến đổi gen, chất kích thích sinh trưởng cây trồng.

6. Quản lý sinh vật gây hại

a) Áp dụng các biện pháp thực hiện luân canh cây trồng, quản lý dinh dưỡng đối với đất và cây trồng.

b) Sử dụng biện pháp vật lý như vệ sinh vườn để loại bỏ mầm bệnh và cỏ dại; lấp đất diệt nhộng; dùng vợt, bẫy dính, bẫy ánh sáng để bắt côn trùng gây hại.

c) Sử dụng loài, giống cây trồng có khả năng kháng các loài sinh vật gây hại phổ biến và thích nghi với môi trường.

d) Bảo vệ các loài thiên địch của sinh vật gây hại qua việc tạo môi trường sống thuận lợi: Phóng thích các loài thiên địch, cây dẫn dụ thiên địch; dùng bẫy, rào chắn, ánh sáng, nhiệt độ và tiếng động.

đ) Sử dụng các chất có nguồn gốc thực vật, chất khoáng hoặc chế phẩm sinh học không chứa các chất tổng hợp để kiểm soát sinh vật gây hại; được sử dụng thuốc bảo vệ thực vật nêu trong tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ và có biện pháp ngăn chặn sự tiếp xúc với sản phẩm cây trồng hữu cơ.

e) Sử dụng biện pháp sinh học: Dùng bẫy bả sinh học, nuôi thả và bảo vệ thiên địch, trồng cây dẫn dụ hoặc cây xua đuổi côn trùng gây hại, sử dụng vi sinh vật và chế phẩm sinh học nêu trong Bảng A.2 của TCVN 11041 -2:2017 cũng như các chế phẩm thực vật tự nhiên khác.

7. Về kỹ thuật trồng, chăm sóc cây trồng

Thực hiện theo quy trình sản xuất đã được quy định cho mỗi loài cây trồng, áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới đã được công nhận theo tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ, phù hợp với thực tiễn sản xuất, trình độ phát triển của khoa học và công nghệ, năng lực của người sản xuất

8. Thu hoạch, sơ chế sản phẩm

a) Quá trình thu hoạch, sơ chế phải đảm bảo không bị dập nát, ảnh hưởng mẫu mã, chất lượng sản phẩm. Cơ sở phải có các biện pháp để ngăn ngừa ô nhiễm và không trộn lẫn sản phẩm cây trồng hữu cơ theo TCVN 11041-2:2017 với sản phẩm cây trồng không theo tiêu chuẩn hữu cơ.

b) Không sử dụng các công nghệ có hại cho việc trồng, chăm sóc cây trồng hữu cơ; sản phẩm, vật tư, nguyên liệu có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen; bức xạ ion hóa (chiếu xạ) để kiểm soát sinh vật gây hại.

c) Quá trình chế biến phải tuân thủ tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ và đáp ứng các quy định khác có liên quan.

9. Bảo quản sản phẩm hữu cơ

a) Vật dụng bảo quản sản phẩm hữu cơ phải được vệ sinh sạch sẽ trước khi sử dụng đảm bảo theo quy định tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ.

b) Kho chứa sản phẩm cây trồng hữu cơ được bảo quản rời, phải tách biệt với kho chứa sản phẩm cây trồng không hữu cơ và phải được nhận diện.

c) Khu vực bảo quản và các phương tiện vận chuyển sản phẩm cây trồng hữu cơ phải được làm sạch bằng các phương pháp và vật liệu được phép dùng trong sản xuất hữu cơ; đối với các chất làm sạch, chất khử trùng có thể tiếp xúc với thực phẩm chỉ sử dụng các chất được cho phép theo quy định tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ.

Điều 4. Truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý sản phẩm hữu cơ không đảm bảo chất lượng

Thực hiện theo Điều 13 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ.

Điều 5. Thu gom, xử lý, sử dụng chất thải và phụ phẩm cây trồng

1. Thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng áp dụng theo Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16

tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Thực hiện thu gom, xử lý, sử dụng phụ phẩm cây trồng theo quy định tại Thông tư số 19/2019/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thu gom, xử lý, sử dụng phụ phẩm cây trồng.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Tuyên truyền, phổ biến các quy định về canh tác trên vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn tỉnh; các quy định về nông nghiệp hữu cơ có liên quan.

2. Tổ chức đào tạo, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật về sản xuất nông nghiệp hữu cơ để nhân dân mở rộng sản xuất.

3. Thực hiện quản lý nhà nước về việc tuân thủ quy định đối với các tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, giám sát, cấp chứng nhận sản xuất trồng trọt hữu cơ theo quy định. Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về canh tác trên vùng canh tác hữu cơ, kiểm tra cấp chứng nhận sản phẩm được sản xuất phù hợp TCVN 11041-2:2017 nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn đảm bảo theo đúng quy định.

4. Phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức, đơn vị có liên quan thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ theo quy định.

Điều 7. Sở Khoa học và Công nghệ

1. Triển khai các chương trình, dự án, đề tài về nghiên cứu, ban hành các quy trình sản xuất hữu cơ cho cây trồng phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh Đồng Nai.

2. Hướng dẫn, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, thiết bị mới tiên tiến trong chế biến, phát triển vùng nguyên liệu sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh.

3. Phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ và quy chuẩn kỹ thuật liên quan trên địa bàn.

4. Thực hiện công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến truy xuất nguồn gốc sản phẩm hữu cơ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể

Đề nghị các tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể, các hội ngành nghề vận động hội viên, đoàn viên tích cực tham gia tuyên truyền nâng cao nhận thức về nông

ng nghiệp hữu cơ; thực hiện đúng quy định về canh tác trong vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 9. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

1. Tuyên truyền, phổ biến các quy định về canh tác trong vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn; phổ biến các quy định về nông nghiệp hữu cơ, chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ của Trung ương và của tỉnh.

2. Thực hiện phát triển, bảo vệ và xây dựng kết cấu hạ tầng phù hợp, đảm bảo không bị ô nhiễm hóa chất từ bên ngoài; hướng dẫn người dân trong việc canh tác vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn đảm bảo theo đúng quy định.

3. Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn tăng cường đào tạo, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật về sản xuất nông nghiệp hữu cơ để nhân dân mở rộng sản xuất.

Điều 10. Tổ chức, cá nhân canh tác trên vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn tỉnh

Tổ chức phát triển sản xuất nông nghiệp theo đúng chủ trương, định hướng, kế hoạch phát triển của tỉnh và tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định về canh tác trong quá trình canh tác trên vùng canh tác hữu cơ trên địa bàn tỉnh./.